TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 380 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12- 2018
V/v tranh chấp ly hôn + hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lương Văn Cẩu
2/ Ông Huỳnh Văn Năng

-Thư ký phiên toà: **Bà Lê Yến Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: **Bà Lê Thị Tố Anh-** Kiểm sát viên.

Ngày **12** tháng **12** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2018/QĐST-HNGĐ ngày 7 tháng 11 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2018/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Tuyết M,** sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, ấp Long T, xã Long G, Huyện C, An Giang

Bị đơn: Anh **Đinh Bá P,** sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Hòa P , TT A,huyện C, tỉnh A

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh An Giang- Phòng giao dịch C
Có ông Mai Tứ Quý đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 2/10/2018 (có mặt)
Địa chỉ: Số 08, thị trấn C, huyện Châu Ph, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 3/5/2018 và đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai bổ sung ngày 12/6/2018, các biên bản hòa giải 25/7/2018, 02/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết M trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Bá P kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã L, Chợ Mới. Sinh được 01 đứa con gái Sau khi kết hôn vợ chồng mướn nhà trọ làm công nhân sinh sống. Đến năm 2017 vợ chồng chuyển về ấp Tô Hạ, Núi Tô sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, nên anh chị không tìm đươc hạnh phúc của gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, do mâu thuẩn ngày càng sâu sắc không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Đinh Bá P.

-Về con chung: có 01 đứa con chung tên: ***Huỳnh Thị Mỹ H,*** sinh ngày 28/3/2018. Hiện con đang sống chung với chị Mai. Sau ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung :** Theo chị M trình bày trong thời gian chị và anh P sống chung anh chị có tạo được tài sản chung nhưng lúc chị sinh con thì anh Pđã làm thất thoát tài sản, không còn tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Vào ngày 13/6/2017 chị Huỳnh Thị Tuyết M có làm thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh An Giang- Phòng giao dịch C, hạn mức thẻ tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng chỉ để mua hàng công ty sữa Vinamilk. Sau khi được cấp thẻ tín dụng toàn bộ số tiền trên chị đưa cho anh Psử dụng thẻ này để quẹt mua hàng. Trong thời gian chị sinh con thì anh Ptự quản lý cửa hàng, dẫn đến thất thoát tiêu hết tài sản chung mà chị không hay biết, anh Ptự rút thẻ sử dụng mà chị không hay biết, đến khi chị đến Ngân hàng hỏi thì mới hay có nợ ngân hàng . Tính đến ngày 12/12/2018 thì số tiền nợ thẻ vốn +lãi tổng cộng là 110.287.097 đồng. Nay chị yêu cầu một mình anh Pphải đứng ra trả số nợ này, chị không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, do số tiền này anh Ptự lấy sử dụng để mua bán hàng.

-Bị đơn Đinh Bá P tại bản tự khai ngày 3/5/2018 và các biên bản hòa giải ngày 25/7/2018, ngày 02/10/2018 anh Ptrình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất phần trình bày của chị Mvề thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Long Giang, Chợ Mới. Về nguyên nhân mâu thuẩn đúng như chị Mtrình bày là do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, nên anh chị không tìm đươc hạnh phúc của gia đình. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị M , anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 đứa con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H , sinh ngày 28/03/2018. Hiện con đang sống chung với chị M . Sau ly hôn, anh đồng ý để cháu H cho chị M nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Anh được biết trong thời gian anh và chị Huỳnh Thị Tuyết M còn sống chung thì vào ngày 13/6/2017 chị Huỳnh Thị Tuyết M có làm thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh An Giang- Phòng giao dịch C, hạn mức thẻ tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng chỉ để mua hàng công ty sữa Vinamilk. Sau khi được cấp thẻ tín dụng thì anh và chị Mcó sử dụng thẻ để quẹt mua hàng. Số tiền đã sử dụng còn nợ trong thẻ tín dụng đến tháng 5/2018 là 89.900.000 đồng. Sau khi ly hôn anh đồng ý đứng ra trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C, anh không yêu cầu chị M phải trả số nợ này.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C (gọi tắt HDBank) có ông Mai Tứ Quý đại diện theo giấy ủy quyền trình bày:**

Vào ngày 03/10/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C có cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết M 01 thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000đ theo giấy đề nghị cấp thẻ số 9704377208512410 được cấp ngày 03/10/2017, thời hạn vay là 36 tháng để trả tiền hàng công ty sữa Vinamilk. Sau khi được cấp thẻ tín dụng chị M , anh Pđã sử dụng thẻ rút tiền thanh toán tiền hàng, có trả có rút tiếp, tính đến ngày 12/12/2018 chị Mcòn thiếu tiền ngân hàng tổng cộng là 110.287.097 đồng. Nay chị Mgửi đơn ly hôn anh Pthì buộc chị Mphải thanh toán tiền còn thiếu cho Ngân hàng. Căn cứ vào hồ sơ cấp thẻ tín dụng đứng tên chị Huỳnh Thị Tuyết M thì nay Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Cmột lần số tiền tạm tính đến ngày 12/12/2018 vốn lãi tổng cộng là 110.287.097 đồng trong đó vốn gốc là 83.803.149 đồng, lãi là 15.461.756 đồng và tiền phí là 11.022.192 đồng. Ngoài ra chị Mcòn phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo qui định mức lãi suất của ngân hàng cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Mđược ly hôn với anh Đinh Bá P. Về con chung: giao cháu Hạnh cho chị Mnuôi dưỡng, anh Pkhông cấp dưỡng. Về tài sản: không có. Về nợ chung: Buộc chị M cùng anh P liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí **M**inh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Đinh Bá P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Pvẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Bá P theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mvà anh Đinh Bá P kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Long Giang, Chợ Mới. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị Mtrình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017, sau đó chuyển về ấp Tô Hạ, Núi Tô sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa. nên anh chị không tìm được hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm anh chị bị rạn nứt, do mâu thuẩn ngày càng sâu sắc không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Đinh Bá P. Tại bản tự khai cũng như tại các buổi hòa giải ở Tòa anh Pcũng thống nhất về nguyên nhân mâu thuẩn đúng như chị Mtrình bày, là do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, nên anh chị không tìm đươc hạnh phúc gia đình. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị Mai, anh cũng đồng ý ly hôn. Hiện tại chị Mxác định không còn tình cảm với anh Phước, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị Mvà anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mlà hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** có 01 đứa con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H sinh ngày 28/03/2018. Hiện con đang sống chung với chị Mai. Sau ly hôn chị Myêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Pcấp dưỡng. Còn anh Ptrình bày là cũng đồng ý để cháu Hạnh cho chị Mnuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị Mđược tiếp tục nuôi cháu Hạnh là phù hợp.

[2.3] **Về tài sản chung:** Không có

[2.4] **Về nợ chung**: Vào ngày 03/10/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C có cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết M 01 thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000đ theo giấy đề nghị cấp thẻ số 9704377208512410, thời hạn vay là 36 tháng để trả tiền hàng công ty sữa Vinamilk. Sau khi được cấp thẻ tín dụng chị Mai, anh Pđã sử dụng thẻ rút tiền thanh toán tiền hàng, có trả có rút tiếp, tính đến ngày 12/12/2018 chị Mcòn thiếu tiền ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng là 110.287.097 đồng. Căn cứ vào hồ sơ cấp thẻ tín dụng đứng tên chị Huỳnh Thị Tuyết M, thì nay Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh yêu

cầu chị Mphải có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng không yêu cầu anh Pphải trả số nợ này, vì anh Pkhông đứng tên trên hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng, mặc dù anh Pđồng ý trả nợ tuy nhiên anh Pkhông đưa ra được phương cách trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh do đó ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận. Còn chị Mthì trình bày sau khi được cấp thẻ tín dụng thì chị đưa cho anh Psử dụng thẻ tín dụng để thanh toán tiền hàng. Thời gian chị sinh con, thì anh Ptự sử dụng thẻ rút tiền dẫn đến thiếu nợ ngân hàng chị không biết, khi chị đến hỏi ngân hàng thì chị mới biết. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chị phải trả số tiền 110. 287.097 thì chị không đồng ý trả, chị yêu cầu một mình anh Pphải trả số nợ này cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Còn anh Pqua các buổi hòa giải ở Tòa anh Ptrình bày là anh cũng biết việc chị Mđược cấp thẻ tín dụng, trong thời gian vợ chồng còn chung sống anh cũng cùng chị Msử dụng thẻ để trả tiền hàng, anh cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, xin được trả dần. Xét thấy căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng thì chị Mlà người đứng tên chủ thẻ, theo quy định thẻ thì chị Mkhông được đưa thẻ tín dụng cho người khác sử dụng nhưng việc anh Psử dụng thẻ chị cũng biết và không có ý kiến gì. Đáng lẻ sau khi đưa anh Psử dụng thẻ chị Mphải có trách nhiệm theo dõi việc sử dụng thẻ và có nghĩa vụ hoàn trả tiền theo quy định nhưng anh Pvà chị Mđã không thực hiện nghĩa vụ của mình dẫn đến vi phạm hợp đồng, do đó Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chị Mcó nghĩa vụ trả số tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp. Tuy nhiên cũng xét thấy tại thời điểm đề nghị cấp thẻ tín dụng, chị Mai và anh Plà vợ chồng hợp pháp, sống chung gia đình. Theo chị Mcho rằng chị không có sử dụng thẻ nhưng việc anh Psử dụng thẻ tín dụng để rút tiền thanh toán tiền hàng mua bán thì chị cũng biết, tiền lời việc kinh doanh mua bán cũng sử dụng vào việc chăm lo cho gia đình. Theo căn cứ vào quy định tại điều 27, luật hôn nhân gia đình năm 2014"Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch hợp pháp do một hoặc hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, thực hiện các nghĩa vụ chung của vợ chồng". Mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí không yêu cầu anh Ptrả nợ nhưng tại các phần trình bày của anh Ptại bản tự khai ngày 3/5/2018 và các biên bản hòa giải ngày 25/7/2018, ngày 02/10/2018 anh Pđồng ý một mình trả toàn bộ số nợ này, cần ghi nhận phần tự nguyện trả nợ của anh Phước. Do đó nghĩ nên buộc chị Mcùng liên đới với anh Pcó nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C là phù hợp.

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Đinh Bá P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C số tiền vốn, lãi tính đến ngày 12/12/2018 tổng cộng là 110.287.097 đồng (Một trăm mười triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn không trăm chín mươi bảy đồng) và phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi thi hành án xong là hoàn toàn phù hợp.

[2.5] **Về án phí:** Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Do yêu cầu về hôn nhân của chị Huỳnh Thị Tuyết M được chấp nhận nên phải chịu án phí về hôn nhân gia đình, Đồng thời chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Đinh Bá P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

-Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh -Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 27, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465,466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Tuyết M. Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Đinh Bá P.

2.Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 28/03/2018. Anh Đinh Bá P không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Pđược quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản chung**:** Không có

4.Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí **M**inh.

Buộc chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Đinh Bá P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vốn, lãi tính đến ngày 12/12/2018 tổng cộng là 110.287.097 đồng (Một trăm mười triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn không trăm chín mươi bảy đồng) và phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi thi hành án xong.

5.Về án phí dân sự sơ th**ẩ**m:

-Chị Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và Huỳnh Thị Tuyết M và anh Đinh Bá P còn phải chịu 5,514.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 5.814.000đ (Năm triệu tám trăm mười bốn ngàn đồng)

được khấu trừ vào tiền 2.525.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003485 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Mvà anh Pcòn phải nộp thêm số tiền 3.289.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi chín ngàn đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí **M**inh – do Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C đại diện nhận số tiền 2.270.000 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003594 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

6. Về kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Tuyết M, Ngân hàng phát triển Thành phố Hồ Chí **M**inh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2018). Anh Đinh Bá P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung